

Bản án số: 684/2024/DS-PT  
Ngày: 27/11/2024  
V/v: “Tranh chấp HĐ Hợp tác  
kinh doanh và HĐ bảo lãnh”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Toàn Giang

*Các Thẩm Phán :* Ông Vũ Viết Văn

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hưng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Sơn Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2024/TLPT-DS ngày 04/11/2024 về tranh chấp “Hợp đồng Hợp tác kinh doanh”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DSST ngày: 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2024/QĐXX-PT ngày 4/11/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Bà Đinh Ngọc Hà M – sinh năm 1989**

Nơi thường trú: CH 901B – D – 2003 – H9CT1 – KTT KĐT Tây Hồ T – TDP H, phường C, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị Ngọc D, sinh năm 1998 (Theo Hợp đồng ủy quyền số 1595 quyền số 02/2024 TP/CC – SCC/ HHĐGD ngày 24/5/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Đình V1 – Luật sư Công ty L4, địa chỉ: Số A, TT8, KĐT V, phường P, quận H, Hà Nội.

**2. Bị đơn: Công ty cổ phần Đ;**

Trụ sở theo đăng ký kinh doanh: Tầng G tòa nhà S, số A P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thành L – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Thành V2, ông Vũ Nghị L1, bà Cao Thị Ngọc M1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Kiều O – Cán bộ pháp chế Công ty cổ phần Đ

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần T2 là Công ty Cổ phần P1.**

Địa chỉ: Tầng I tòa nhà S, số A P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T1. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Trà M2, ông Nguyễn Văn K, ông Phạm Đình L2, bà Phạm Thị L3 – Cán bộ pháp chế của Công ty cổ phần P1 (Theo văn bản ủy quyền số 49/2024 ngày 05/06/2024 của Công ty cổ phần P1).

(Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:**

**Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Ngọc D trình bày:**

Do tin tưởng theo sự giới thiệu của nhân viên Công ty cổ phần Đ1 (Công ty Đ1) khi ký kết các hợp đồng với Công ty cổ phần Đ1 sẽ được Công ty cổ phần P1 (Công ty P1) bảo lãnh và có nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ hoàn trả Khoản Đầu Tư, chi trả Lợi ích, bồi hoàn và bồi thường thiệt hại phát sinh từ Hợp đồng nên:

Ngày 25/01/2022, bà Đinh Ngọc Hà M (Bên B) và Công ty cổ phần Đ1 (Bên A) ký kết 01 Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 (bản ký điện tử) với nội dung sau: Giá trị khoản đầu tư: **1.500.000.000 đồng** (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn hợp tác với khoản đầu tư là 01 năm kể từ ngày 25/01/2022 đến ngày 30/01/2023. Lợi nhuận cố định và áp dụng tính trên khoản đầu tư là: 11,0% (365 ngày) tính từ ngày Bên B chuyển đủ Giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc. Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 03 tháng. Mục tiêu dự án đầu tư: Dự án Sunshine Golden R địa chỉ tại Hà Nội.

Theo đó, ngày 25/01/2024, bà Đinh Ngọc Hà M đã chuyển khoản đủ số tiền của Hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng và chuyển tiền xong Công ty cổ phần Đ cấp cho bà Đinh Ngọc Hà M 01 Giấy chứng nhận khoản đầu tư số IGRH00024843 đồng thời ngày 16/12/2022 Công ty cổ phần P1 phát hành thư bảo lãnh cho các hợp đồng hợp tác đầu tư kể từ ngày 03/02/2021 đến ngày 16/12/2022.

Ngày 13/04/2022, bà Đinh Ngọc Hà M có ký 01 hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 (bản ký điện tử) với Công ty cổ phần Đ1 trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Thời hạn hợp tác áp dụng với Khoản đầu tư là 09 tháng kể từ ngày 13/04/2022 đến ngày 13/01/2023. Lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên Khoản đầu tư là 8,7% (365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ Giá trị Khoản Đầu tư đến ngày Bên B nhận được Khoản Đầu tư gốc. Thời điểm chi trả lợi nhuận: 09 tháng. Mục tiêu dự án đầu tư: Dự án Sunshine G tại Hà Nội.

Ngày 13/04/2022, bà Đinh Ngọc Hà M đã chuyển khoản đủ số tiền của Hợp đồng trên. Sau khi ký hợp đồng và chuyển tiền xong Công ty cổ phần Đ cấp cho bà Đinh Ngọc Hà M 01 Giấy chứng nhận khoản đầu tư số IGRH00072622 đồng thời ngày 16/12/2022 Công ty cổ phần P1 phát hành thư bảo lãnh cho các hợp đồng hợp tác đầu tư kể từ ngày 03/02/2021 đến ngày 16/12/2022. Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 bà Đinh Ngọc Hà M đã rút vốn số tiền còn lại của hợp đồng là: **370.000.000 đồng** (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đinh Ngọc Hà M đã nhận số tiền lợi nhuận cố định là 117.240.411 đồng đối với Hợp đồng Hợp tác đầu tư số IGRH00024843 ngày 25/01/2022, đã nhận số tiền lợi nhuận cố định là 8.124.608 đồng đối với Hợp đồng Hợp tác đầu tư số IGRH00072622 ngày 13/04/2022

Khi 02 Hợp đồng trên đã hết thời hạn nhưng Công ty cổ phần Đ không thực hiện nghĩa vụ như đã ký kết. Ngày 13/01/2023, bà Đinh Ngọc Hà M đến làm việc và có

biên bản làm việc với công ty cổ phần Đ nhưng hai bên không thỏa thuận giải quyết được.

Đến nay, tất cả các Hợp đồng trên đều đã hết thời hạn nhưng Công ty cổ phần Đ1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán được cho bà M tiền gốc, lợi ích được hưởng từ các Hợp đồng. Các Hợp đồng bà Đinh Ngọc Hà M ký với Công ty cổ phần Đ đều có sự bảo lãnh thanh toán của Công ty cổ phần P1. Do vậy bà Đinh Ngọc Hà M khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần Đ thanh toán các khoản tiền cụ thể như sau:

**\*Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843:**

- Thanh toán số tiền nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);
- Số tiền lợi nhuận cố định trong thời hạn Hợp đồng: 158.897.260 đồng - 117.240.411 đồng = 41.656.849 đồng
- Số tiền lãi suất do chậm trả ngoài thời hạn Hợp đồng tính từ ngày hết hạn hợp đồng 30/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 1.500.000.000 đồng x 10%/năm x 544 ngày/365 ngày = 223.561.643 đồng. Tổng cộng: **1.765.218.480 đồng**

**\* Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622:**

- Thanh toán số tiền nợ gốc là: 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).
- Số tiền lợi nhuận cố định trong Hợp đồng: 8.124.608 đồng
- Số tiền lãi suất do chậm trả tính ngày hết hạn hợp đồng 13/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 370.000.000 đồng x (10%/12 tháng x 9 tháng) x 561 ngày/365 ngày = 42.651.369 đồng. Tổng cộng: **420.775.977 đồng**

**Tổng số tiền bà Đinh Ngọc Hà M yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải trả là 2.185.994.457 đồng**

Bà Đinh Ngọc Hà M còn yêu cầu Công ty cổ phần Đ chịu khoản lãi theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 về các khoản nợ gốc và lãi trong thời hạn Hợp đồng và lãi ngoài thời hạn Hợp đồng trên, kể từ thời điểm xét xử đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Do Công ty cổ phần Đ không thực hiện được các nghĩa vụ trả tiền, trong khi đó Công ty cổ phần P1 có trách nhiệm bảo lãnh thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty cổ phần Đ nên bà Đinh Ngọc Hà M đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần P1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Đinh Ngọc Hà M toàn bộ số tiền nêu trên.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần Đ là bà Cao Thị Ngọc M1 trình bày:**

Năm 2022, Công ty cổ phần Đ và bà Đinh Ngọc Hà M có thỏa thuận ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung cơ bản như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bà Đinh Ngọc Hà M đồng ý góp vốn và công ty cổ phần Đ, đồng ý nhận và quản lý phần vốn góp của bà Đinh Ngọc Hà M để thực hiện hoạt động kinh doanh tại các dự án và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái với quy định của pháp luật, nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận và kết quả đạt được theo thỏa thuận tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Tại các Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký, bà Đinh Ngọc Hà M được hưởng lợi nhuận cố định tính trên giá trị các khoản Đầu Tư trong thời hạn hợp tác kinh doanh theo từng hợp đồng.

- Giá trị Khoản Đầu Tư, tỷ lệ lợi nhuận cố định và thời hạn hợp tác kinh doanh của từng hợp đồng cụ thể như bảng kê dưới đây:

**Bảng kê Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa bà Đinh Ngọc Hà M và công ty cổ phần Đ**

| TT | Số hợp đồng  | Ngày xác lập giao dịch | Ngày kết thúc | Giá trị Khoản Đầu Tư ban đầu (VND) | Tỷ lệ Lợi Nhuận Cố Định trong hợp đồng (%) | Giá trị Khoản Đầu Tư còn lại (VND) |
|----|--------------|------------------------|---------------|------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|
| 1  | IGRH00072622 | 13/04/2022             | 13/01/2023    | 1.000.000.000                      | 8,7                                        | 370.000.000                        |
| 2  | IGRH00024843 | 25/01/2022             | 30/01/2023    | 1.500.000.000                      | 11                                         | 1.500.000.000                      |
|    | <b>Tổng</b>  |                        |               | <b>2.500.000.000</b>               |                                            | <b>1.870.000.000</b>               |

Đối với khoản lợi nhuận của hai Hợp đồng nêu trên, Bị đơn đồng ý xác nhận số liệu như nguyên đơn trình bày.

Đối với lãi xuất chậm trả, Công ty cổ phần Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, Công ty cổ phần Đ đang gặp khó khăn nên Công ty đưa ra các phương án giải quyết như sau:

Gia hạn thời gian thực hiện các hợp đồng thêm 18 tháng để công ty cổ phần Đ có thể thu xếp nguồn tiền hợp lý chi trả, đồng thời nhà đầu tư sẽ được nhận thêm một khoản lợi ích bổ sung theo thỏa thuận của các bên.

Chuyển đổi giá trị các Khoản Đầu Tư sang thành khoản thanh toán các bất động sản đã đủ điều kiện đưa vào kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và ký kết Hợp đồng mua bán/Văn bản nhận chuyển nhượng với Chủ đầu tư/ Bên chuyển nhượng tại các dự án như: Sunshine G, Sunshine G, Sunshine S, Sunshine D, Sunshine Capital Tây T, S, S, Sunshine P, ...

Công ty cổ phần Đ mong muốn nguyên đơn bà Đinh Ngọc Hà M tạo điều kiện để công ty có thể thương lượng hòa giải, có thêm thời gian để thu hồi các nguồn thu khác để thanh toán cho bà M.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần P1 (SSG) nay là Công ty cổ phần P1 trình bày:**

Qua quá trình rà soát và đối chiếu với các hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại Công ty, Công ty cổ phần P1 (SSG) đã phát hành 01 Thư bảo lãnh đề ngày 16/12/2022. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại hồ sơ đã sao chụp tại Tòa án và hồ sơ lưu trữ, Công ty cổ phần P1 chưa nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của nguyên đơn cũng như nguyên đơn chưa cung cấp được thư bảo lãnh có đóng dấu treo của công ty để làm căn cứ yêu cầu công ty S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DSST ngày: 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận N đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Ngọc Hà M đối với Công ty cổ phần Đ về việc Tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022 giữa Công ty cổ phần Đ với bà Đinh Ngọc Hà M; Thư bảo lãnh ngày 16/12/2022 của Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 với bà Đinh Ngọc Hà M.

2. Buộc Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 phải thanh toán cho bà Đinh Ngọc H1 M số tiền tính đến ngày xét xử 26/7/2024 là:

**1. Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022:**

1.1. Thanh toán số tiền nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);

1.2. Số tiền lợi nhuận cố định trong thời hạn Hợp đồng: 158.897.260 đồng - 117.240.411 đồng = 41.656.849 đồng

1.3. Số tiền lãi suất do chậm trả ngoài thời hạn Hợp đồng tính từ ngày hết hạn hợp đồng 30/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 223.561.643 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng).

$1.500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 544 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 223.561.643 \text{ đồng}.$

**Tổng cộng: 1.765.218.492 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm chín mươi hai) đồng.**

**2. Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022:**

2.1. Thanh toán số tiền nợ gốc là: 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

2.2. Số tiền lợi nhuận cố định trong Hợp đồng: 8.124.608 đồng

2.3. Số tiền lãi suất do chậm trả tính ngày hết hạn hợp đồng 13/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 42.651.369 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng).

$370.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng} \times 9 \text{ tháng}) \times 561 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 42.651.369 \text{ đồng}.$

**Tổng cộng: 421.775.977 (Bốn trăm hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy) đồng.**

Như vậy, tổng số tiền Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 phải trả cho bà Đinh Ngọc H1 M của 02 Hợp đồng là: **2.185.994.457 (Hai tỷ một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng.**

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 kháng cáo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty CP P1 giữ nguyên kháng cáo và xin vắng mặt tại phiên tòa.
- Nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Kiểm sát viên VKSND Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty CP P1, Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2]. Về nội dung:**

2.1. Những nội dung các đương sự đã thống nhất, Hội đồng xét xử không xem xét lại:

Ngày 25/01/2022, bà Đinh Ngọc Hà M ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 (bản ký điện tử) với Công ty cổ phần Đ và đã chuyển khoản cho Công ty cổ phần Đ số tiền: **1.500.000.000 đồng** (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn hợp tác từ ngày 25/01/2022 đến ngày 30/01/2023. Lợi nhuận cố định là: 11%/năm. Thời điểm chi trả lợi nhuận là 03 tháng.

Ngày 13/04/2022, bà M ký kết Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 (bản ký điện tử) với Công ty cổ phần Đ trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Bà M đã chuyển khoản đủ số tiền trên vào số tài khoản của Công ty cổ phần Đ. Theo đó, thời hạn hợp tác của hợp đồng từ ngày 13/04/2022 đến ngày 13/01/2023, lợi nhuận cố định là: 8,7%/ năm, thời điểm chi trả lợi nhuận: 09 tháng. Hiện tại đối với hợp đồng Hợp tác kinh doanh số IGRH00072622, bà M đã rút một phần vốn vào ngày 12/07/2022, ngày 29/07/2022 và ngày 19/01/2023 tổng số tiền còn lại của hợp đồng trên là: **370.000.000 đồng** (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Xét thấy các Hợp đồng nêu trên được ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực bắt buộc thực hiện giữa các bên.

Thực hiện theo Hợp đồng, nguyên đơn đã thanh toán đủ và đúng hạn số tiền góp vốn. Thời hạn của 02 Hợp đồng nêu trên đã hết, nguyên đơn không gia hạn nên 02 Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên được chấm dứt.

Khoản 3.1 Điều 3 của các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh quy định: “*Được hoàn lại giá trị khoản đầu tư và các khoản LNCD khi hết thời hạn hoặc khi có yêu cầu của bên B bằng cách trên ứng dụng KSInvest hoặc gửi thông báo bằng văn bản tới bên A. Các khoản tiền này sẽ được thanh toán chuyển khoản vào tài khoản của bên B đã đăng ký với bên A*”

Nhưng đến nay Công ty cổ phần Đ chưa thanh toán trả tiền nợ gốc, lợi nhuận cho bà M theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết tại các hợp đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Ngọc Hà M đòi Công ty cổ phần Đ phải thanh toán trả tiền nợ gốc, lợi nhuận, lãi chậm trả là có căn cứ, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022: Công ty cổ phần Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng); Số tiền lợi nhuận cố định trong thời hạn Hợp đồng: 158.897.260 đồng - 117.240.411 đồng = 41.656.849 đồng; Số tiền lãi suất do chậm trả ngoài thời hạn Hợp đồng tính từ ngày hết hạn hợp đồng 30/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 1.500.000.000 đồng x 10%/năm x 544 ngày/365 ngày = 223.561.643 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng: 1.765.218.492 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm chín mươi hai) đồng.

- Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022: Công ty cổ phần Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi

triệu đồng); Số tiền lợi nhuận cố định trong Hợp đồng: 8.124.608 đồng; Số tiền lãi suất do chậm trả tính ngày hết hạn hợp đồng 13/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 370.000.000 đồng x (10%/12 tháng x 9 tháng) x 561 ngày/365 ngày = 42.651.369 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng). Tổng cộng: 421.775.977 (Bốn trăm hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng)

Tổng số tiền Công ty cổ phần Đ phải trả cho bà Đinh Ngọc H1 M của 02 Hợp đồng là: 2.185.994.457 (Hai tỷ một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng.

Các đương sự không kháng cáo nội dung này.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần P1 cho rằng đã phát hành thư bảo lãnh đề ngày 16/12/2022 nhưng chưa nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của nguyên đơn. Quyết định của bản án sơ thẩm không phù hợp ảnh hưởng đến quyền lợi của Tập đoàn.

Xét thấy, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các ý kiến trình bày của các đương sự thể hiện Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 thừa nhận đã phát hành Thư bảo lãnh đề ngày 16/12/2022 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khoản tiền phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022 và Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022 đã ký giữa bà Đinh Ngọc H1 M với công ty cổ phần Đ nêu trên.

Theo Thư bảo lãnh ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Công ty cổ phần P1 :

*“...1. Phạm vi bảo lãnh: Các nghĩa vụ thanh toán của bên được bảo lãnh (kể cả nghĩa vụ hoàn trả khoản đầu tư, chi trả lợi nhuận, bồi hoàn và bồi thường thiệt hại) cho bên nhận bảo lãnh phát sinh từ Hợp đồng hợp tác.*

*2. Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng Hợp tác và chỉ hết hạn sau khi toàn bộ nghĩa vụ được bảo lãnh được thực hiện hoặc giải trừ đầy đủ...”*

Như đã phân tích nêu trên, xác định bên được bảo lãnh là Công ty cổ phần Đ còn nợ và có nghĩa vụ trả bà M tổng số tiền của 02 Hợp đồng là: 2.185.994.457 đồng. Bà M đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty Đ không thanh toán và đã trực tiếp liên hệ với Công ty cổ phần P1 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng không được giải quyết.

Căn cứ quy định của các Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 341, Điều 342, Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2015 : *“..đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”* . Không có căn cứ xác định: *“bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ”*; *“bên nhận bảo lãnh có thể bù trừ nghĩa vụ với bên được bảo lãnh”* ; *“bên nhận bảo lãnh miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho bên bảo lãnh”* hoặc *“có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác”*; Các đương sự đều thừa nhận chưa có việc *“Nghĩa vụ được bảo lãnh chấm dứt. Việc bảo lãnh được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác. Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”*.

Cấp sơ thẩm xác định Thư bảo lãnh ngày 16/12/2022 của Công ty cổ phần P1 có hiệu lực pháp luật là đúng quy định tại các Điều 335, 336 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kháng cáo của Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 về việc không thừa nhận thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh ngày 16/12/2022 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, sửa án sơ thẩm theo hướng: Buộc Công ty cổ phần Đ có nghĩa vụ trả bà M tổng số tiền là: 2.185.994.457 đồng nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022. Trường hợp Công ty cổ phần Đ1 không thanh toán, hoặc không thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho bà M theo Quyết định của bản án thì buộc Công ty cổ phần P1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả cho bà M toàn bộ số tiền mà Công ty cổ phần Đ1 chưa thực hiện xong nghĩa vụ theo Quyết định của bản án.

[2.3] Quan điểm của đại diện VKSNDTP Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí: Bản án sơ thẩm đã quyết định về án phí sơ thẩm phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên.

Bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 280, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 341, Điều 342, Điều 343, Điều 468, Điều 513 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Xử:** Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 136/2024/DSST ngày: 26/7/2024 của Tòa án nhân dân quận N và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Ngọc Hà M đối với Công ty cổ phần Đ về việc Tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022 giữa Công ty cổ phần Đ với bà Đinh Ngọc Hà M;

[2]. Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán trả bà Đinh Ngọc H1 M tổng số tiền tính đến ngày xét xử 26/7/2024 là: **2.185.994.457** (Hai tỷ một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng. Cụ thể:

[2.1]. Thanh toán trả bà M: 1.765.218.492 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm chín mươi hai) đồng đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00024843 ngày 25/1/2022. Gồm:

- Trả số tiền nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng);

- Số tiền lợi nhuận cố định trong thời hạn Hợp đồng: 158.897.260 đồng - 117.240.411 đồng = 41.656.849 đồng

- Số tiền lãi suất do chậm trả ngoài thời hạn Hợp đồng tính từ ngày hết hạn hợp đồng 30/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là: 1.500.000.000 đồng x 10%/năm x 544 ngày/365 ngày = 223.561.643 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng).

[2.2]. Thanh toán trả bà M: 421.775.977 (Bốn trăm hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy) đồng đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số IGRH00072622 ngày 13/4/2022. Gồm:

- Trả số tiền nợ gốc là: 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).
- Số tiền lợi nhuận cố định trong Hợp đồng: 8.124.608 đồng
- Số tiền lãi suất do chậm trả tính ngày hết hạn hợp đồng 13/01/2023 đến ngày 26/07/2024 (Tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm) là:  $370.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng} \times 9 \text{ tháng}) \times 561 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 42.651.369 \text{ đồng}$ . (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Ngọc Hà M đối với Thư bảo lãnh của Công ty cổ phần P1. Trường hợp Công ty cổ phần Đ1 không thanh toán, hoặc không thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho bà M theo khoản 2 Quyết định của bản án thì buộc Công ty cổ phần P1 phải thực hiện nghĩa bảo lãnh trả cho bà Đinh Ngọc H1 M toàn bộ số tiền mà Công ty cổ phần Đ1 chưa thực hiện xong nghĩa vụ theo Quyết định của bản án.

[4.] Án phí: Bà Đinh Ngọc Hà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 34.675.000 (Ba mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009727 ngày 27/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.185.994 (Bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi tư) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại Công ty cổ phần P1 nay là Công ty cổ phần P1 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009967 ngày 23/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Toàn Giang**

